

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Ánh Ngọc

Ông Mùa A Phênh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Đoàn - **Thẩm tra viên** Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Lò Thị H** - Sinh năm 1991. Nơi cư trú: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Lê Đại H1** - Sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lò Thị H và ông Lê Đại H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 14/4/2017, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2020 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp trong suy nghĩ, mục đích và lối sống, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là cháu Lê Đăng Khánh, sinh ngày 19/10/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Khánh luôn do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khánh.

Về con riêng: Bà H có một con riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 31/7/2024, bị đơn ông Lê Đại H1 trình bày:

Về hôn nhân: Ông H1 và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không thể hòa hợp trong suy nghĩ, mục đích và lối sống, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, do tính chất công việc của ông H1 là đi làm xa, nay đây mai đó, không về nhà thường xuyên, khoảng 4 đến 5 tháng mới về nhà một lần. Ông H1 thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, không cùng chí hướng xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H1 đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Đăng Khánh, sinh ngày 19/10/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Khánh luôn ở với bà H, do công việc của ông H1 không ổn định nên ông H1 đồng ý giao cháu Khánh cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên không thể trực tiếp tham gia vụ án được, ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông H1. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lò Thị H được ly hôn với ông Lê Đại H1.

- Về con chung: Giao cháu Lê Đăng Khánh, sinh ngày 19/10/2017 cho bà Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Lê Đại H1 có nơi đăng ký thường trú: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của Nguyên đơn bà Lò Thị H và bị đơn ông Lê Đại H1: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng bà H và ông H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị H và ông Lê Đại H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 14/4/2017) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được ông H1 thừa nhận tại bản tự khai đề ngày 31/7/2024 và đã được Trưởng Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Bút lục số 32, 33) xác nhận. Do vậy, bà H và ông H1 đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không còn sống chung cùng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H1.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông H1 đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Đăng Khánh, sinh ngày 19/10/2017; vợ chồng không có con nuôi; bà H có một con riêng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con của bà H: Bà H làm việc tại UBND xã P, thu nhập hàng tháng của bà H trên 11.000.000 đồng/tháng (Bút lục số 42 đến 47), có thu nhập đủ để nuôi con, có chỗ ở ổn định và trong quá trình chăm sóc, nuôi con bà

H không vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, quyền lợi của con chung được bảo đảm.

Xét điều kiện nuôi con của ông H1: Ông H1 thừa nhận do điều kiện công việc không ổn định nên đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi bà H, ông H1 sống ly thân thì con chung là cháu Khánh đều do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian bà H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung bà H không có vi phạm gì về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu Khánh, cần giao cháu Khánh cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi cho cháu Khánh.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H, ông H1 không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản: Bà H, ông H1 không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bà H có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Lò Thị H được ly hôn với ông Lê Đại H1.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Đăng Khánh, sinh ngày 19/10/2017 cho bà Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về quan hệ tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lò Thị H.
6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng